

BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN
THÔNG
Số: 09/2005/QĐ-BBCVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

**Điều chỉnh các quy định tạm thời về quản lý cước kết cuối, hạn mức lưu lượng
điện thoại IP quốc tế chiều đến Việt Nam**

BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

*Căn cứ Nghị định số 90/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Chính phủ về chức năng,
nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Bưu chính, Viễn thông;*

*Căn cứ Quyết định số 217/2003/QĐ-TTg ngày 27/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ
về quản lý giá cước các dịch vụ bưu chính, viễn thông;*

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Cước kết cuối (Termination charge) điện thoại IP quốc tế của dịch vụ điện thoại IP quốc tế chiều đến Việt Nam là mức cước mà các nhà khai thác nước ngoài trả cho các doanh nghiệp Việt Nam được phép cung cấp dịch vụ điện thoại IP quốc tế để thực hiện việc kết cuối cuộc gọi tại Việt Nam.

2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện thoại IP quốc tế được chủ động đàm phán, thoả thuận mức cước kết cuối điện thoại IP quốc tế với các đối tác nước ngoài trên cơ sở mức sàn định hướng đối với cước kết cuối điện thoại IP quốc tế do Bộ Bưu chính Viễn thông qui định.

3. Mức sàn định hướng đối với cước kết cuối điện thoại IP quốc tế áp dụng từ 01/06/2005 là 0,17 USD/phút, không phân biệt cuộc gọi đến mạng cố định hay mạng di động tại Việt <ST1:COUNTRY-REGION>Nam</ST1:COUNTRY-REGION>. Trên cơ sở mức cước này, các doanh nghiệp đàm phán, thoả thuận với các đối tác nước ngoài mức cước kết cuối điện thoại quốc tế cụ thể nhưng không được thấp hơn mức sàn định hướng do Bưu chính Viễn thông qui định.

Điều 2.

1. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện thoại IP quốc tế được phân bổ hạn mức lưu lượng điện thoại IP quốc tế đến Việt Nam trên cơ sở số POP phát triển tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương như sau:

- Từ 1 đến 4 POP: 4 triệu phút/tháng;
- Từ 5 đến 8 POP: 5 triệu phút/tháng;
- Từ 9 đến 12 POP: 7 triệu phút/tháng;
- Từ 13 đến 18 POP: 9 triệu phút/tháng;
- Từ 19 đến 25 POP: 11 triệu phút/tháng;
- Từ 26 đến 30 POP: 12 triệu phút/tháng;
- Từ 31 đến 35 POP: 13 triệu phút/tháng;
- Từ 36 POP trở lên: 14 triệu phút/tháng;

Riêng tháng 01 hàng năm, hạn mức lưu lượng được tăng thêm 30%.

2. Hạn mức lưu lượng qui định tại Khoản 1 của Điều này được áp dụng cho mọi doanh nghiệp và tính chung cho mọi lưu lượng điện thoại IP chiều quốc tế đến Việt Nam của doanh nghiệp, không phân biệt lưu lượng này kết cuối tại mạng cố định hay di động, tại các tỉnh doanh nghiệp cung cấp điện thoại IP quốc tế đã phát triển POP hay chưa phát triển POP.

3. Các doanh nghiệp báo cáo Bộ Bưu chính, Viễn thông về số lượng các POP đang khai thác và việc đưa các POP mới vào hoạt động để Bộ Bưu chính, Viễn thông định kỳ công bố cho các doanh nghiệp.

4. Các doanh nghiệp được phép chủ động bù trừ lưu lượng trong hạn mức giữa các tháng trong quý (tính theo năm dương lịch từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12)

5. Căn cứ vào biến động tổng lưu lượng điện thoại quốc tế (IP và PSTN) về Việt <ST1:COUNTRY-REGIoN>Nam</ST1:COUNTRY-REGIoN>, căn cứ số lượng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện thoại IP quốc tế, Bộ Bưu chính, Viễn thông công bố việc tăng hoặc giảm hạn mức phù hợp với sự biến động của thị trường.

Điều 3. Cước kết nối bổ sung.